

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XD ĐIỆN VNECO5**

Năm báo cáo: 2012

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **VNECO5 Electricitiy Construction Joint - Stock Company**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **3 2 0 0 1 8 0 3 2 3**
- Vốn điều lệ: **13,5 tỷ đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: **205 Lê Duẩn - TP Đông Hà - Quảng Trị**
- Số điện thoại: **053 3855 160 – 053 3854 973**
- Số Fax: **0533 854 136**
- Website: **vneco5.com.vn**
- Mã cổ phiếu:

Quá trình hình thành và phát triển:(ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

- Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO5 là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty cổ phần năm 2003 trong tổ hợp Công ty Mẹ - Công ty Con, thuộc Công ty xây lắp điện 3.

- Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập (21/10/2003) : 5.000.000.000 đồng

Trong đó:

- + *Vốn TCT Cổ phần xây dựng điện Việt Nam:* **2.550.000.000 đồng**
(trước là Công ty xây lắp điện 3)
- + *Vốn cổ đông Công ty VNECO5:* **2.450.000.000 đồng**

- Trong quá trình phát triển, Công ty xây lắp điện 3 đã trở thành Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam theo QĐ số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp.

- Công ty CP XD Điện VNECO5 hiện nay là thành viên liên kết trong tổ hợp của Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam VNECO.

Quá trình cổ phần hoá của Tổng Công ty VNECO đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty VNECO5 phát triển bền vững với mục tiêu, phương hướng là trở thành Công ty sản xuất kinh doanh đa ngành.

- Công ty VNECO5 có quá trình hoạt động và trưởng thành qua nhiều thời kỳ trong ngành xây dựng điện, có đội ngũ Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, CBNV, lực lượng lao động chuyên sâu, có tay nghề cao, gắn bó thâm niên với Công ty.

- Là một doanh nghiệp xây dựng luôn được khách hàng tín nhiệm.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của ngành điện trong công cuộc Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và đáp ứng nhu cầu hội nhập, Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 5 đang từng bước trưởng thành và phát triển.

– Các sự kiện khác.

2. ***Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:***

– Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

Công ty có 10 danh mục ngành nghề đăng ký. Nhưng chưa đủ điều kiện triển khai, trong 02 năm gần đây Công ty chủ yếu hoạt động SXKD các ngành nghề sau:

1- Xây dựng các công trình điện, hệ thống lưới điện và TBA đến 500KV

2- Chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí mạ kẽm các đường dây và TBA đến 35kV

3- Sản xuất thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông đúc sẵn.

– Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

–

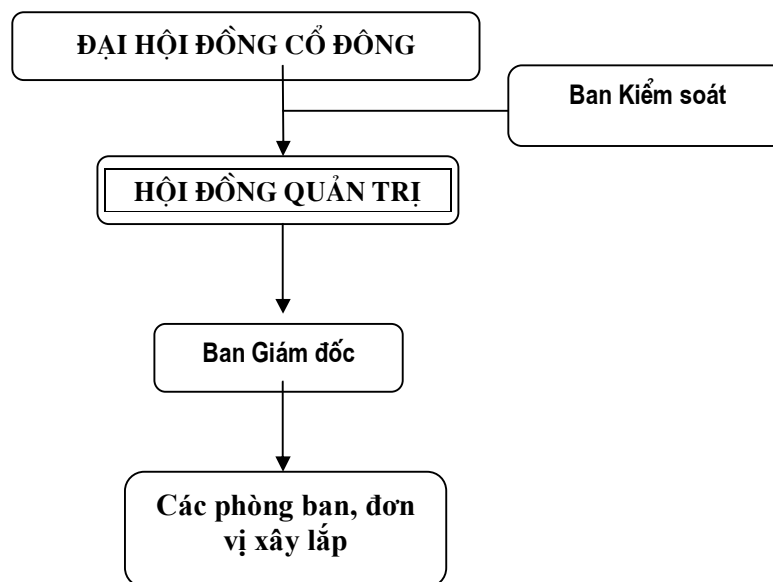
Công ty hiện có các công trình xây lắp điện đang thi công tại các đại phương sau:

- Tại Sơn la: ĐZ Sơn la - Hiệp hoà, ĐZ 220 KV Thủy điện Bản chất,
- Tại Quảng nam: ĐZ 220 KV Xêkaman 3 - Thạnh mỹ
- Tại Quảng trị: ĐZ&TBA Hướng hoá - Đakrông
- Tại Quảng bình: ĐZ 110 KV nâng cấp Đồng hơi - Đông hà
- Tại Thừa thiên - Huế: Trạm BA Chân mây, Thủy điện A lưới
- Tại Hà tỉnh: ĐZ 220 KV Vũng áng – Hà tỉnh
- Tại Quảng ninh: ĐZ 500 KV Quảng ninh - Hiệp hoà
- Tại Thanh hoá: ĐZ 220 KV Thanh hoá – Vinh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.

- Mô hình quản trị: theo mô hình Công ty cổ phần
- Cơ cấu bộ máy quản lý.



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đấu thầu Xây lắp các công trình điện trên địa bàn cả nước. Thị trường chính là các công trình điện Miền Bắc – Miền Trung – Tây nguyên.
- Phát triển hệ thống kinh doanh VL xây dựng, xi măng, sắt thép...
- Tìm kiếm cơ hội triển khai các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký khi có điều kiện thuận lợi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Về dài hạn Công ty vẫn chủ trương phát triển ngành nghề truyền thống là xây lắp công trình điện
 - Củng cố nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường theo hướng phát triển đa ngành nghề khi có điều kiện.
 - Hoàn thiện cơ cấu vốn, nhân lực, Lao động hợp lý, bền vững, đào tạo lực lượng dự phòng để đáp ứng chiến lược phát triển đa ngành nghề.
 - Tìm kiếm cơ hội đầu tư, đấu thầu, từng bước hình thành phương thức KD phù hợp với cơ chế thị trường.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- 6. **Các rủi ro:** (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty).

- Công ty có thể gặp rủi ro trong quá trình thi công, do các công trình xây dựng điện thường đi qua nhiều địa phương, công tác bảo vệ vật tư, thiết bị trên công trường rất khó khăn, và còn có thể tổn thất do thời tiết mưa bão.

- Sản phẩm của Công ty có giá trị cố định từ các kết quả đấu thầu, do đó những biến động về giá cả vật tư, tiền lương, nhân công, vận chuyển bảo hiểm, các dịch vụ phụ trợ... đều có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả HĐSXKD của Công ty. Đây là rủi ro về tài chính mà Công ty đã phải chấp nhận trong nhiều năm qua, và là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn Công ty đến thua lỗ.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết	Năm nay	Năm trước
	số	minh	2012	2011
1	2	3	4	5
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	01	VI.25	16 063	16 421
2- Các khoản giảm trừ	02	VI.26		
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	16 063	16 421
4- Giá vốn hàng bán	11	VI.28	30 946	17 193
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(14 882)	(772)
(20 = 10 - 11)				
6- Doanh thu hoạt động Tài chính	21	VI.29	84	255
7- Chi phí Tài chính	22	VI.30	3 688	4 844
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3 891	4 081
8- Chi phí bán hàng	24			
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4 096	2 599
10-.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(22 583)	(7 960)
(30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))				
11- Thu nhập khác	31		102	324
12- Chi phí khác	32		488	27
13- Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(385)	2978
14- Tổng LN kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(22 968)	(7 663)
15-Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	0	

16-Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17- LN sau thuế thu nhập D N (60 = 50 - 51 - 52)	60		(22 968)	(7 663)
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	70			(5 780)

– Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị (Triệu đồng)			Tỷ lệ %	
			Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2012	So sánh 2012/ 2011
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
I	Doanh thu		16.421	20 600	16 063	77,98	97,82
1	Xây lắp	Tr.đồng	15.801	20 350	15 849	77,88	100,30
2	Sản xuất CN, KD dịch vụ	Tr.đồng	619	250	214	85,60	34,57
II	Các CT cơ bản						
1	Lợi nhuận						
	LN trước thuế	Tr.đồng	(7.663)	300	(22 968)		
	Trích lập các Quỹ	Tr.đồng					
	LNST/TTSản	%					
	LNST/DT thuận	%					
	LNST/VCSH	%					
	Tỷ lệ cổ tức	%					
2	Cơ cấu tài sản						
	TSDhạn/TTS	%	3,84		6,38		
	TSNhan/TTS	%	96,16		93,62		

Hiện tại do những biến động của cơ chế thị trường, những tác động khách quan và chủ quan đối với khả năng chịu đựng của một Công ty nhỏ như VNECO5, trong 02 năm qua (2011 -2012) Công ty không thực hiện được các mục tiêu kế hoạch SXKD, trong khi phải đối mặt với nhiều khó khăn về tài chính, nên Công ty đang rơi vào tình trạng thua lỗ.

2. Tổ chức và nhân sự:

3.

– Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Tóm tắt lý lịch của các thành viên trong Ban điều hành:

A- Hội đồng quản trị & Ban Giám đốc:

1- Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty:

Họ tên: Nguyễn Văn Hưng
Ngày, tháng, năm sinh: 25/02/1953
Giới tính: Nam
Nguyên quán: Lệ thủy, Quảng bình
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
Số cổ phần nắm giữ: 49.235; Tỷ lệ: 3,65%
Số cổ phần của những người có liên quan:
+ Vợ: Trần thị Hạnh: 16.530; Tỷ lệ: 1,22%
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:
Chức vụ, hoạt động khác ngoài Cty:

2- Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc, kiêm Kế toán trưởng Công ty:

Họ tên: Trần Quang Hoan
Ngày, tháng, năm sinh: 10/05/1960
Giới tính: Nam
Nguyên quán: Gio linh, Quảng trị
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ: 34.200; Tỷ lệ: 2,53%
Số cổ phần của những người có liên quan:
+ Vợ: Trần thị Hà: 21.817; Tỷ lệ: 1,62%
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:
Chức vụ, hoạt động khác ngoài Cty:

3- Thành viên HĐQT, Trưởng phòng KH – KT - VT – XM Công ty:

Họ tên: Ngô Thế Phước
Ngày, tháng, năm sinh: 24/06/1962
Giới tính: Nam
Nguyên quán: Gio linh, Quảng trị

Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
Số cổ phần nắm giữ: 11.931; Tỷ lệ: 0,88%
Số cổ phần của những người có liên quan:
+ Vợ: Lưu Thị Len: 5.114; Tỷ lệ: 0,38%
+ Em ruột: Ngô Thế Lân 2.430; Tỷ lệ: 0,18%
+ Em ruột: Ngô Thế Năm: 1.711; Tỷ lệ: 0,13%
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:
Chức vụ, hoạt động khác ngoài Cty:

4- Thành viên HĐQT – Phó TGD TCty VNECO:

Họ tên: Nguyễn Trọng Bình
Ngày, tháng, năm sinh: 15/05/1955
Giới tính: Nam
Nguyên quán: Quảng hoà, Quảng trạch, Quảng bình
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo
Số cổ phần nắm giữ: ; Tỷ lệ: %

5- Thành viên HĐQT – Phó phòng TC – LĐ - TCty VNECO:

Họ tên: Nguyễn Văn Quảng
Ngày, tháng, năm sinh: 20/03/1965
Giới tính: Nam
Nguyên quán: Kim liên, Nam đàn, Nghệ an
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt nam
Trình độ chuyên môn:
Số cổ phần nắm giữ: ; Tỷ lệ: %

B- Ban Kiểm soát:

1- Trưởng ban kiểm soát – Cán bộ Kế toán VNECO:

Họ tên: Võ Thành Lương
Ngày, tháng, năm sinh: 18/04/1974
Giới tính: Nam
Nguyên quán: Yên thành, Nghệ an
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ: ; Tỷ lệ: %

Số cổ phần của những người có liên quan:

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

2- Thành viên ban kiểm soát – Phó phòng Vật tư-Xe máy Công ty:

Họ tên: Nguyễn Thị Hạnh

Ngày, tháng, năm sinh: 20/03/1968

Giới tính: Nữ

Nguyên quán: Đồng Hới - Quảng Bình

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 8.167; Tỷ lệ: 0,60%

Số cổ phần của những người có liên quan:

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Chức vụ, hoạt động khác ngoài Cty:

- **Những thay đổi trong ban điều hành:** (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

1. Ông Trần Thanh Bình có đơn xin từ chức thành viên HĐQT và Phó giám Công ty, được HĐQT Công ty họp nhất trí thông qua ngày 20/07/2011(theo biên bản họp HĐQT ngày 20/07/2012)

2. Ông Ngô Văn Bản có đơn xi từ chức thành viên ban kiểm soát.

3. Ông Ngô Thế Phước được bổ nhiệm thành viên HĐQT thay ông Trần Thanh Bình.

4. Ông Ngô Văn Bản được bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty thay ông Trần Thanh Bình.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên.** Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

-

- **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (Người)		Ghi chú
		Đầu năm	Cuối năm	
	Tổng số	78	43	
1	Lao động theo độ tuổi			
	- Dưới 30 tuổi	25	2	
	- Từ 34 đến 45 tuổi	41	27	
	- Từ 46 đến 50 tuổi	10	10	
	- Trên 50 tuổi	2	4	
2	Lao động theo trình độ	78		
	- Đại học	15	13	
	- Cao đẳng	9	2	

- TH chuyên nghiệp	5	6
- Công nhân KT	14	16
- LĐ phổ thông	35	6

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

5. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

(ĐVT: Triệu đồng)

Chi tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
* Tổng giá trị tài sản	51 504	25 778	
Doanh thu thuần	16 421	16 063	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(7 960)	(22 583)	
Lợi nhuận khác	297	(385)	
Lợi nhuận trước thuế	(7 663)	(22 968)	
Lợi nhuận sau thuế			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)			

– **Các chỉ tiêu khác:** (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	1,11	0,59	

+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> <u>Nợ ngắn hạn</u>	0,59	0,46	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	85,98	158,00	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	14,02	(...)	Vốn CSH âm
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> <u>Hàng tồn kho bình quân</u>	0,75	2,15	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,32	0,62	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			
.....			

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Tổng số cổ phần: 1 350 000

Cổ phần phổ thông: 1 350 000

Cổ phần đang lưu hành: 1 325 800

Cổ phiếu quỹ: 24 200

b) **Cơ cấu cổ đông:** Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu %	Ghi chú
A	Cổ đông lớn	01	405 000	30,00	
<i>I</i>	<i>Cổ đông là doanh nghiệp</i>				
1	TCty CP XD điện Việt nam		405 000	30,00	
<i>II</i>	<i>Cổ đông là cá nhân</i>				
.B	Cổ đông nhỏ	139	945 000	70,00	
<i>I</i>	<i>Cổ đông là doanh nghiệp</i>				
<i>II</i>	<i>Cổ đông là cá nhân</i>				
1	Cổ đông là người lao động Cty	46	355 646	26,35	
2	Cổ đông khác	93	589 354	43,65	
	Tổng cộng	140	1 350 00	100,00	

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu...vvv thành cổ phần.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

e) **Các chứng khoán khác:** nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

(Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ

nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch Năm 2012 (*)	Thực hiện Năm 2012	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Doanh thu	Tr.đồng	20 600	16 063	77,98
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	300		
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng			
4	LN sau thuế/DT thuần	%			
5	LN sau thuế/vốn CSH	%			
6	Tỷ lệ cổ tức năm(10-15%)	%			
7	Thu nhập B/quân	Tr.đồng	4,0	3,2	80,00

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCO ngày 29/06/2012

Năm 2012 Công ty không hoàn thành được các chỉ tiêu kế hoạch do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, sẽ được Đại hội đồng cổ đông năm 2013 tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và quyết nghị phương hướng khắc phục, đảm bảo cho Công ty tiếp tục hoạt động.

Một số nguyên nhân chính:

+ Thiếu vốn hoạt động: là Công ty cổ phần, nhưng Công ty không có điều kiện huy động vốn cổ đông. Vô điều lệ Công ty từ 5 tỷ đồng ban đầu tăng lên 13,5 tỷ đồng năm 2007 và dừng lại không tiếp tục phát hành được.

Các đợt phát hành cổ phiếu của Công ty đều được sự ủng hộ nhất trí cao của cổ đông. Tuy nhiên tại các thời điểm này Công ty chỉ có thể phát hành cổ phiếu cho cổ đông nội bộ, trong khi khả năng góp vốn cổ đông nội bộ là rất hạn chế, do đó không thu được kết quả mong muốn.

Công ty thực sự đối mặt với những khó khăn về vốn từ cuối năm 2007.

+ Vay Ngân hàng là tất yếu để đảm bảo vốn sản xuất. Chi phí vay vốn trong các năm gần đây là rất lớn, trong đó có vay vốn bằng huy động ngoài với lãi suất cao để duy trì hoạt động.

Từ năm 2008 Công ty đã phải huy động vốn của cổ đông với mức lãi suất cao (1,5 lần Ngân hàng), có lúc phải vay (kể cả vay nóng) hàng tỷ đồng.

Công ty đã dần dần phụ thuộc vào Ngân hàng, nợ Ngân hàng ngày càng lớn.

+ Bộ máy lãnh đạo và quản lý Công ty hầu hết là CB từ cơ chế cũ chuyển sang, chậm phát triển, không thích nghi được với môi trường mới, nên không phát huy được hiệu quả...

- Cổ đông phần lớn là CBNV, thiếu năng lực về mọi mặt, không đóng vai trò gì đáng kể trong chiến lược phát triển của Công ty, họ trông chờ, uỷ thác hoàn toàn vào Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.

– Những tiến bộ công ty đã đạt được:

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

- *Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2012:*

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
I	Giá trị tài sản ngày 31/12	25 777 531 615	
1	Tài sản ngắn hạn	24 138 594 706	
	Tiền	6 790 921	
	Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	701 228 200	
	Nợ phải thu	12 330 527 316	
	Hàng tồn kho	5 376 348 672	
	TS ngắn hạn khác	5 723 699 597	
2	Tài sản dài hạn	1 638 936 909	
	Tài sản cố định HH	1 440 032 610	
	Tài sản cố định VH	9 239 488	
	XDCB dở dang	95 657 225	
	TS dài hạn khác	94 007 586	
II	Chi tiết nguồn vốn ngày 31/12	25 777 531 615	
1	Nợ phải trả	40 730 000 425	
	Nợ ngắn hạn	40 730 000 425	
	Nợ dài hạn		
2	Vốn chủ sở hữu	(14 952 468 810)	
	Quỹ dự phòng Tài chính	503 159 381	
	Quỹ đầu tư phát triển	1 121 292 596	
	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	(29 834 920 787)	

b) Tình hình nợ phải trả:

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.
 – Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Tình hình nợ hiện tại:

- <u>Nợ phải thu:</u>	12 330 527 316 đồng
+ Thu của chủ đầu tư:	8 706 215 831 đồng
- <u>Nợ phải trả:</u>	
+ Nợ Ngân hàng:	13 963 462 511 đồng
+ Nợ vay ngoài:	2 537 823 796 đồng
+ Nợ nhà cung cấp:	

Các khoản nợ vay Ngân hàng đã được gia hạn, tuy nhiên khả năng thanh toán của Công ty hiện nay là rất khó khăn.

Khả năng thanh toán các khoản nợ của nhà cung cấp cũng rất thấp. Trong khi khả năng thu hồi công nợ của các chủ đầu tư là rất chậm.

Công ty còn phải đối mặt với nhiều khó khăn trong quá trình thanh toán, thu hồi công nợ, và còn phải chịu nhiều tổn thất do quá trình này còn kéo dài.

Ngoài ra công nợ nội bộ (TK 141) đang tồn đọng nhiều khoản chưa được thanh toán, tiềm ẩn nhiều nguy cơ xấu cho tình hình tài chính của Công ty trong các năm tiếp theo.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)*- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**Đề nghị HĐQT ghi các ý kiến về phần này**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

V. Quản trị công ty

(Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. *Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

TT	Họ tên	Chức danh	SL cổ phiếu sở hữu		
			01.01.2012	31.12.2012	
				Số lượng	%
	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT – Kiêm Giám đốc	49 235	49 235	3,65
2	Trần Quang Hoan	Thành viên HĐQT – Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng	34 200	34 200	2,53
3	Ngô Thế Phước	Thành viên HĐQT - Trưởng KHKT - VT	11 931	11 931	0,88
4	Nguyễn Trọng Bình	Thành viên HĐQT – Phó TGD VNECO – TV độc lập	0	0	
5	Nguyễn Văn Quảng	Thành viên HĐQT – Phòng TCLĐ VNECO – TV độc lập	0		0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch	04	100	
2	Nguyễn Trọng Bình	Thành viên	04	100	
3	Trần Quang Hoan	Thành viên	04	100	
4	Nguyễn Văn Quảng	Thành viên	04	100	
5	Ngô Thế Phước	Thành viên	04	100	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc):

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2012-NQ-HĐQT	20/03/2012	Họp tổng kết năm 2011, thông qua các nội dung đại hội ĐCĐ năm 2012
2	01/2012/NQ-ĐHĐCĐ	29/06/2012	Họp Đại HĐCĐ năm 2012
3	01/2012-NQ-HĐQT	20/07/2012	Họp kế hoạch 06 tháng cuối năm, bổ sung Thành viên HĐQT, Ban giám đốc.
4	03/2012-NQ-HĐQT	25/10/2012	Họp về tình hình thực hiện kế hoạch năm 2012, tình hình tài chính của Công ty và các biện pháp trong Quý 4/2012

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Công ty có 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

+ Ông Nguyễn Trọng Bình - Phó Tổng Giám đốc VNECO

+ Ông Nguyễn Văn Quảng - Phó phòng QL nhân sự VNECO

Thường xuyên tham gia giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc VNECO5.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

01- Ông Nguyễn Văn Hưng-Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

TT	Họ tên	Chức danh	SL cổ phiếu sở hữu		
			01.01.2012	31. 12. 2012	
				Số lượng	%
	Ban kiểm soát				
1	Võ Thành Lương	Trưởng ban – CB kế toán VNECO – TV độc lập			
2	Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên – Phòng KHKT - VT	8.167	8.167	0,60

Có 01 thành viên BKS là Ông Ngô Văn Bản đã từ chức để nhận nhiệm vụ Phó giám đốc Công ty.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

STT	Số Biên bản họp	Ngày	Nội dung
1	/2012-BB-BKS		
2	/2012-BB-BKS		
3	/2012-BB-BKS		

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

Các khoản lương, thưởng, thù lao, lợi ích của thành viên HĐQT, BKS, trong năm 2012:

TT	Họ tên	Chức danh	Tổng số tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT - Kiêm Giám đốc	110 242	
2	Trần Quang Hoan	TV HĐQT, PGĐộc Kiêm Kế toán trưởng	99 876	
3	Ngô Thế Phước	TV HĐQT, TP KHKT - VTư	59 891	
4	Nguyễn Trọng Bình	Thành viên HĐQT – Phó TGĐ VNECO – TV độc lập	100	
5	Nguyễn Văn Quảng	Thành viên HĐQT – Phòng TCLĐ VNECO – TV độc lập	100	
II	Ban Kiểm soát			
1	Võ Thành Lương	Trưởng ban KS – CB kế toán VNECO – TV độc lập		
2	Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên – Phó Phòng KHKT - VT	144 517	
III	Ban Giám đốc			
1	Ngô Văn Bản	Phó Giám đốc	61 025	
	Tổng Cộng		475 752	

(Kèm bảng kê chi tiết)

Mức phụ HĐQT & BKS cấp bằng 1,5% Tổng quỹ tiền lương thực hiện trên doanh thu xây lắp theo Nghị quyết Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2012 ngày 29/06/2012 (mức phụ cấp B/q của HĐQT = 71,43%*1,5% quỹ lương, mức phụ cấp B/q của BKS = 28,57%*1,5% quỹ lương.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với Công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

+ **Hợp đồng tín dụng ngắn hạn với Bà Trần thị Hạnh** (Cổ đông Công ty)
Vợ Ông. Nguyễn Văn Hưng, Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc kiêm Công ty.